TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 02, 09 – 13/01/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Sắc xanh lan tỏa ở chứng khoán toàn cầu nhưng sự lưỡng lự chi phối thị trường trong nước"

Chứng khoán toàn cầu tiếp tục khởi sắc khi dữ liệu CPI tháng 12 của Hoa Kỳ cho thấy lạm phát vẫn trên đà hạ nhiệt, củng cố kỳ vọng rằng Cục Dự trữ Liên bang có thể làm chậm chiến dịch thắt chặt mạnh tay của mình. Bên cạnh đó, trong bài phát biểu mới nhất của Chủ tịch Fed Powell trước Riksbank, ông không bình luận thêm về triển vọng của chính sách tiền tệ mà chỉ nhấn mạnh sự độc lập của chính sách với các ảnh hưởng bởi chính trị, như biến đổi khí hậu, trái ngược với một số thông điệp diều hâu từ các quan chức khác của FED vào đầu tuần này. Chốt tuần, Dow Jones và S&P 500 tăng lần lượt 2.0% và 2.7%. Chứng khoán châu Âu cũng giao dịch tích cực với Stoxx Euro vọt tăng 1.8%. Chứng khoán châu Á duy trì sắc xanh với sự lạc quan về Trung quốc sắp mở cửa trở lại tiếp tục thúc đẩy nhu cầu kinh tế, Hang Seng leo dốc 3.5%, cùng với Shang hai cũng bật tăng 1.2% .

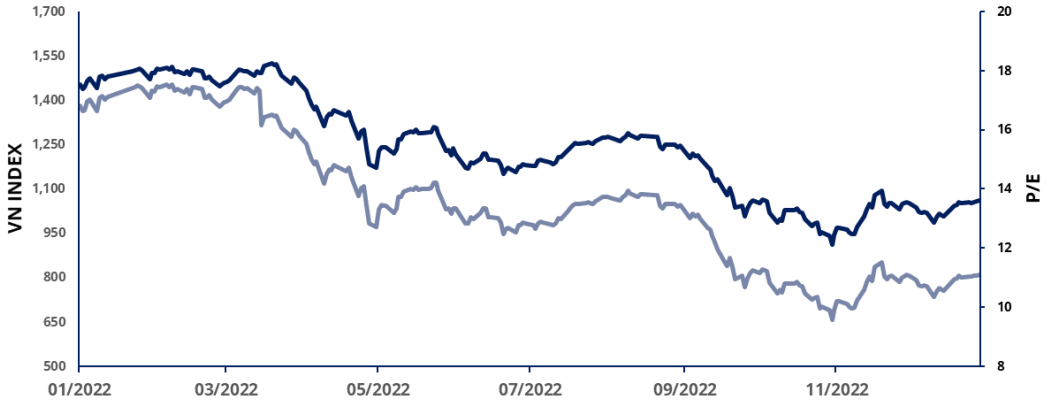
Dầu thô thoát khỏi vùng rủi ro để phục hồi lên gần mức 80 USD/thùng trong tuần, tương ứng mức tăng hơn 8%. Gía dầu thô được củng cố bởi triển vọng nhu cầu cải thiện ở Trung Quốc và hy vọng Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ tăng lãi suất ít mạnh hơn. Trung Quốc đã tăng cường mua dầu thô trong tuần này sau khi Bắc Kinh ban hành hạn ngạch nhập khẩu mới và mức tiêu thụ dự kiến sẽ tăng lên mức kỷ lục trong năm nay sau khi nước này rút khỏi chính sách zero-Covid, theo Bloomberg. Đáng chú ý, ở thị trường tiền số, Bitcoin bật tăng mạnh lên cận mức 21,000, hơn 23% trong tuần.

Chứng khoán Việt Nam gần như dao động đi ngang trong tuần, sự thận trọng cận kỳ nghỉ lễ Tết nguyên đán tiếp tục chi phối. Kết tuần, VN-Index tăng nhẹ 8.7 điểm (+0.8%) lên mức 1060.2 điểm; HNXIndex tăng 0.6 điểm (+0.3%) lên 211.3 điểm. Khối ngoại bán ròng trong khi NĐT cá nhân trong nước mua ròng. Dòng tiền luân chuyển nhanh giữa các nhóm ngành với Nhóm Dầu khí, Đầu tư công cho thấy giao dịch tích cực. Ở chiều ngược lại, Nhóm bán lẻ, hóa chất cho thấy mức sụt giảm nhiều hơn. Về tâm điểm tuần sau, sự chú ý trong nước sẽ hướng về đáo hạn hợp đồng phái sinh. Ở thị trường thế giới, doanh số bán lẻ của Hoa kỳ, cùng với dữ liệu PPI, chỉ số nhà ở sẽ được quan tâm. Ngoài ra, dữ liệu lạm phát mới sẽ được công bố cho Vương quốc Anh, Nhật Bản, Canada và Nam Phi. Cuối cùng, các nhà đầu tư sẽ chờ đợi tăng trưởng GDP Q4, sản lượng công nghiệp và doanh số bán lẻ của Trung Quốc.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số ít thay đổi trong tuần và sự lưỡng lự chiếm ưu thế trong giao dịch. Có vẻ việc thiếu vắng nhóm dẫn dắt giai đoạn hiện tại làm cho thị trường khó khăn hơn trong chiều hướng bứt phá lên ngưỡng cao hơn. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho tín hiệu cân bằng. Chiến lược phù hợp là nắm giữ, gia tăng tỷ trọng khi chỉ số bứt phá khỏi kháng cự quanh ngưỡng 1,080 điểm cũng như hạ bớt tỷ trọng nếu chỉ số đánh mất ngưỡng hỗ trợ 1,030 điểm.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,060	0.8	0.7	-0.2	5.3		11.1	1.7	180
Upcom Index	72	-0.9	-0.1	-10.1	0.6		11.3	1.3	42
HNX Index	211	0.3	-0.8	-7.3	2.9		13.4	1.2	11
VN30 Index	1,070	1.2	0.5	0.8	6.4		9.3	1.7	129
S&P 500 Index	3,999	2.7	3.8	11.6	4.2		19.4	4.0	34,895
STOXX Europe 600 Index	453	1.8	6.5	15.6	6.5		15.5	1.9	13,596
Hang Seng	21,739	3.5	11.8	31.1	9.9		7.8	0.9	3,101
Nikkei 225	26,120	0.6	-5.1	-3.6	0.1		17.7	1.5	3,666
SHCOMP Index	3,195	1.5	0.9	4.0	3.4		14.5	1.4	6,840
STI Index	3,294	0.5	1.6	8.4	1.3		11.8	1.1	387
KOSPI Index	2,386	4.2	1.1	7.8	6.7		11.3	0.9	1,469

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mở tài khoản
[Chuyên viên phân tích] Trần Khang
☎ (84-28) 6287-8037
✉ khang.lt@shinhan.com

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD						% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	0.9	11.0	5.7	-5.1	-19.2	-26.2	66.6	1.2	11.1	1.8	3,663,743
Mid Cap	0.5	16.0	2.9	-9.8	-21.2	-25.2	31.5	-1.0	10.1	1.0	486,161
Small Cap	0.0	10.7	0.8	-17.1	-17.9	-21.1	1.9	-0.2	15.2	0.6	73,168

Theo ngành

Tên ngành	% Thay đổi GTGD						% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	YTD	1W	1M	3M	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Dầu khí	6.1	17.9	15.9	-0.2	2.6	-20.1	1.6	0.1	6.9	1.2	58,165
Tài nguyên cơ bản	3.2	5.5	10.5	6.8	-19.6	-22.3	10.5	1.4	7.8	1.1	154,714
Truyền thông	2.5	-15.8	2.2	-37.6	-16.8	-60.6	0.0	0.0	2.5	0.8	901
Tài chính	2.5	-2.8	9.1	2.0	-29.4	-30.3	11.8	1.0	10.1	1.0	102,400
Xây dựng và vật liệu	2.4	27.9	7.6	-6.7	5.3	14.7	7.3	0.0	11.9	1.3	94,914
Bảo hiểm	1.5	-1.0	4.7	-3.3	-21.2	-41.7	0.4	0.0	17.0	1.0	47,600
Ngân hàng	1.4	14.2	7.2	-1.1	-9.3	-9.9	27.9	1.6	8.4	1.1	1,529,982
Dược và Y tế	1.2	6.8	1.3	-14.1	-10.7	-13.8	0.2	0.0	13.2	1.1	30,872
Du lịch và Giải trí	1.0	56.8	0.6	24.8	-2.6	31.6	1.0	0.3	n.a	1.6	102,403
Thực phẩm và đồ uống	0.5	6.5	5.1	-14.3	-21.4	-22.1	8.8	-0.8	16.2	1.1	520,028
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.2	130.8	-0.9	-8.3	-30.5	-42.9	0.8	0.0	10.1	2.3	51,046
Bất động sản	0.0	13.7	3.8	-16.7	-34.7	-44.7	16.1	-1.9	14.8	1.1	780,865
Tiện ích	-0.2	6.6	3.2	-22.2	-0.5	-6.3	2.4	-0.5	13.1	1.1	315,227
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.2	11.3	0.9	-19.3	-22.9	-20.0	4.4	-0.7	9.8	1.1	105,956
Công nghệ Thông tin	-0.5	3.4	3.3	-22.3	-18.0	-35.7	0.9	-0.2	16.1	1.0	99,587
Hóa chất	-0.9	-5.3	1.2	-19.3	-24.9	-50.7	3.5	-0.5	5.6	0.9	132,449
Ô tô & Phụ tùng	-1.3	6.7	1.8	1.1	13.5	1.5	0.5	0.0	8.7	1.1	13,624
Bán lẻ	-2.1	-9.0	-1.5	-2.7	-28.5	-58.4	1.7	0.1	11.8	0.9	82,016

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,475**	**53.5**	**219.3**	**807.8**	**55.3**
Nước ngoài	**2,336**	**43.5**	**209.0**	**752.1**	**41.7**
VanEck Vectors Vietnam ETF	485	30.7	65.1	162.1	50.2
Fubon FTSE Vietnam ETF	760	0.0	54.8	226.3	1.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	651	7.8	67.7	306.9	52.5
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	290	2.4	18.3	46.4	8.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	119	2.6	3.2	11.9	-71.2
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.0	0.0	-1.9	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	4	0.0	0.0	0.5	0.0
Asian Growth CUBS ETF	11	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,138**	**9.9**	**10.3**	**55.7**	**13.6**
DCVFMVN Diamond ETF	601	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	342	5.8	5.1	36.4	7.4
SSIAM VNFIN LEAD ETF	155	4.3	8.9	30.9	6.5
MAFN VN30 ETF	27	0.0	-1.0	-7.8	0.0
SSIAM VNX50 ETF	6	-0.1	-2.7	-3.8	-0.3
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-48,296	-102,234	-187,530
Ấn độ	-797	-1,399	-1,399	-1,399
Indonesia	-193	-334	-334	-334
Nhật Bản	-1,507	-1,507	-1,507	-1,507
Maylaysia	-20	-4	-4	-4
Philippines	-1	19	19	19
Hàn Quốc	1,384	2,187	2,187	2,187
Sri Lanka	0	1	1	1
Đài Loan	3,137	3,444	3,444	3,444
Thái Lan	314	530	530	530
Việt Nam	-82	-21	-21	-21

*Trung Quốc: Số liệu độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

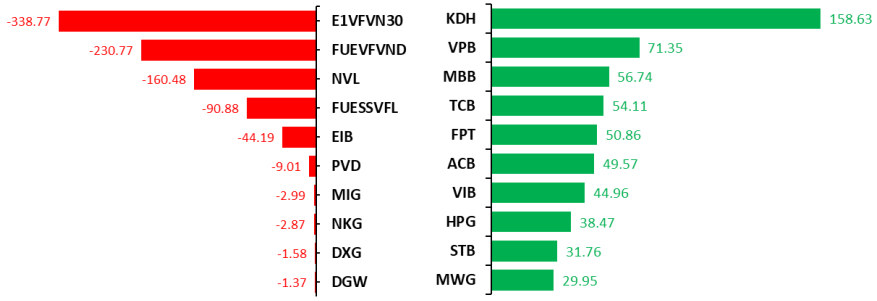
Nguồn: Bloomberg

Chú thích:

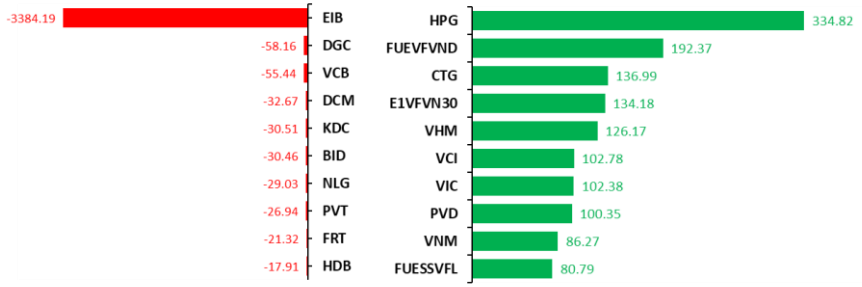
-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	33	391	-342	-222
Tài nguyên Cơ bản	35	348	-104	61
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	38	-40	-398	-318
Y tế	0	14	-249	-2
Hóa chất	11	-96	69	-23
Dịch vụ tài chính	-617	668	28	-379
Du lịch và Giải trí	8	30	-140	-1
Ngân hàng	352	-3,278	-207	862
Xây dựng và Vật liệu	-1	42	-563	17
Thực phẩm và đồ uống	55	163	116	75
Bán lẻ	30	-6	40	6
Điện, nước & xăng dầu khí đ	20	62	-280	-35
Hàng cá nhân & Gia dụng	25	17	-131	5
Công nghệ Thông tin	51	5	3,260	32
Ô tô và phụ tùng	-1	10	317	-1
Bảo hiểm	-2	43	0	-3
Dầu khí	-8	114	0	35
Tổng	30	-1,512	1,415	109

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NLG	Bất động sản	16.45 - 92.93	45.0	-12.94%
2	CRE	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	34.60 - 71.00	56.4	-8.62%
3	EIB	Ngân hàng	25.13 - 75.83	38.6	-8.36%
4	KOS	Bất động sản	23.55 - 59.60	29.6	-6.02%
5	KDH	Sản xuất nông nghiệp	6.95 - 26.95	12.9	-5.76%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
16.22%	26.2	18.05 - 50.36	Xây dựng và Vật liệu	HT1
14.31%	35.9	31.15 - 39.10	Hàng cá nhân & Gia dụng	STK
11.88%	25.8	17.00 - 42.40	Tài nguyên Cơ bản	DHC
10.59%	8.6	8.40 - 24.15	Hàng cá nhân & Gia dụng	TLG
8.71%	25.8	16.45 - 61.40	Tài nguyên Cơ bản	PTB

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.00 - 20.50	15.5	-18.42%
2	SJ1	Thực phẩm và đồ uống	11.10 - 17.50	12.2	-17.57%
3	NAP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.10 - 13.40	8.1	-11.96%
4	TMC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	10.40 - 18.00	10.4	-11.86%
5	VNC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	30.70 - 65.50	35.0	-11.62%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
32.55%	62.3	23.40 - 107.00	Tài nguyên Cơ bản	CLM
29.55%	32.0	8.30 - 35.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TSB
20.10%	23.9	13.10 - 30.00	Xây dựng và Vật liệu	VHL
19.87%	54.9	37.50 - 58.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	SEB
18.17%	70.9	25.20 - 70.90	Du lịch và Giải trí	SGH

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NHV	Tài nguyên Cơ bản	8.50 - 57.00	9.0	-45.12%
2	SQC	Tài nguyên Cơ bản	2.70 - 56.60	8.1	-33.06%
3	DTG	Y tế	15.00 - 41.60	21.8	-27.57%
4	DWC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.60 - 26.40	10.8	-27.52%
5	FRC	Tài nguyên Cơ bản	20.50 - 57.40	25.3	-27.51%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
79.31%	5.2	2.30 - 15.40	Xây dựng và Vật liệu	SCJ
65.06%	27.4	12.30 - 37.90	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CTW
55.56%	5.6	2.40 - 9.90	Xây dựng và Vật liệu	VCX
48.94%	14.0	6.30 - 16.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MLC
46.67%	4.4	2.60 - 15.20	Xây dựng và Vật liệu	ALV

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	BMP	Nhựa Bình Minh	Xây dựng và Vật liệu	2,342.5	245.0	60.6	48.10 - 67.50	-0.7
2	STK	Sợi Thế Kỷ	Hàng cá nhân & Gia dụng	2,024.3	244.8	29.6	23.55 - 59.60	14.3
3	HT1	VICEM Hà Tiên	Xây dựng và Vật liệu	12,314.1	230.3	12.9	6.95 - 26.95	16.2
4	SHI	SONHA CORP	Tài nguyên Cơ bản	15,207.9	160.7	16.2	12.08 - 17.87	3.8
5	NTL	Đô thị Từ Liêm	Bất động sản	5,587.9	95.3	16.8	13.80 - 38.95	3.7
6	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	Tài nguyên Cơ bản	8,717.4	74.6	45.0	33.50 - 92.93	8.7
7	TTA	XD và PT Trường Thành	Xây dựng và Vật liệu	3,655.5	70.9	9.6	8.00 - 15.37	-1.1
8	HPX	Đầu tư Hải Phát	Bất động sản	46,687.6	65.4	5.0	4.46 - 34.75	6.0
9	HAX	Ô tô Hàng Xanh	Ô tô và phụ tùng	5,937.5	64.3	17.8	11.95 - 35.04	7.2
10	HVN	Vietnam Airlines	Du lịch và Giải trí	31,795.6	61.1	14.6	8.01 - 27.50	3.2

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	102.20	-1.61	-1.71	-9.04	-1.27	
VND/USD	23,441	-0.13	-0.78	-2.82	-0.81	
KRW/USD	1,241.35	-2.16	-4.83	-13.26	-1.91	
JPY/USD	127.87	-3.19	-5.69	-13.08	-2.48	
EUR/USD	0.92	-1.72	-1.83	-9.74	-1.16	
SGD/USD	1.32	-1.55	-2.09	-7.82	-1.55	
CNY/USD	6.70	-1.86	-3.61	-6.53	-2.86	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	79.86	8.26	5.93	-10.38	-0.50	
Xăng	253.28	12.84	17.21	-6.31	2.98	
Gas	3.42	-7.84	-50.70	-49.28	-23.60	
Than	370.25	-6.54	-8.47	-5.91	-8.39	
Vàng	1,920.23	2.92	6.04	15.23	5.27	
Bạc	24.26	1.82	2.23	28.42	1.29	
Platinum	1,069.21	-2.30	3.28	18.37	-0.47	
Quặng sắt	122.33	4.94	11.99	28.23	9.93	
Thép cán	4,197.00	1.11	2.47	6.20	1.21	
Lúa mì	743.75	0.03	2.06	-16.64	-6.09	
Ngô	675.00	3.21	4.85	-3.26	-0.52	
Gỗ	431.80	21.98	6.35	-13.35	15.55	

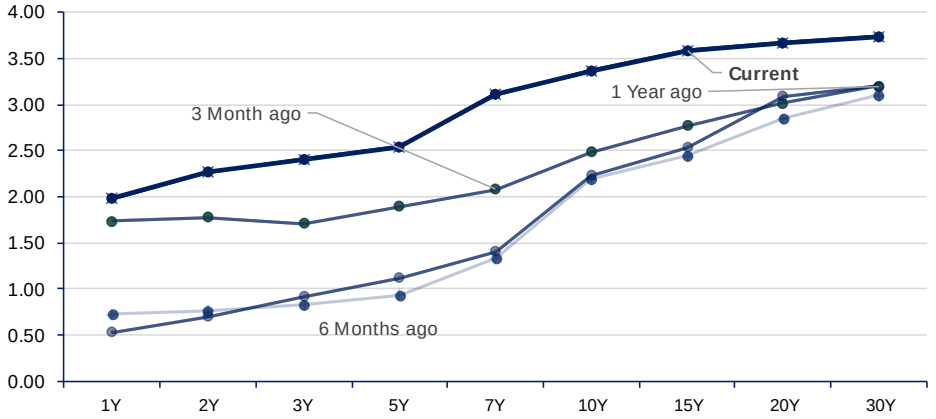
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)*	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.